

# Xây dựng hệ thống ngữ liệu hỗ trợ hoạt động đọc mở rộng trong dạy học tiếng Việt lớp 4

Hoàng Thị Hồng Phương\*

\*Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Received: 28/3/2024; Accepted: 8/4/2024; Published: 22/4/2024

**Abstract:** Extensive reading is a mandatory activity in the 2018 General Education Program. In a year, students need to read at least 35 literary texts and 18 informational texts. When organizing this activity, teachers and students have a tough time obtaining texts that fulfill the genre, text length, and text number requirements. This article aims to present the bases, principles and procedures for building a corpus system to support extensive reading activities for 4th grade students.

**Keywords:** Extensive reading, texts, grade 4

## 1. Đặt vấn đề

Đọc mở rộng (ĐMR) là một trong những hoạt động bắt buộc trong Chương trình Giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018 với những quy định cụ thể về thể loại, số lượng văn bản và thậm chí là số chữ tương ứng với từng lớp học, cấp học. Trong một năm học, học sinh (HS) cần đọc tối thiểu 35 văn bản văn học, 18 văn bản thông tin. Đây là cơ hội để HS có thêm nhiều trải nghiệm về văn bản, nâng cao kỹ năng đọc, giúp HS phát triển các phẩm chất, các năng lực cốt lõi để sống và làm việc hiệu quả và xa hơn là để sống và học tập suốt đời. Tuy nhiên, đây cũng là khó khăn, thách thức đối với HS và cả giáo viên (GV) trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhất là ở tiểu học.

Năm học 2023-2024, lần đầu tiên HS lớp 4 sử dụng sách giáo khoa (SGK) biên soạn theo CTGDPT 2018. Để lựa chọn được ngữ liệu phục vụ việc dạy ĐMR theo đúng yêu cầu của chương trình (CT) là một vấn đề không hề đơn giản. Bên cạnh vấn đề thể loại, chủ đề, các ngữ liệu cần đảm bảo tính văn chương, tính khoa học đặc biệt là phải đảm bảo tính giáo dục và phù hợp với tâm lý lứa tuổi HS. Việc tìm các ngữ liệu đọc mở rộng là một vấn đề nan giải đối với HS. Hiện nay, nhiều GV cũng chưa có thói quen và tự xây dựng hệ thống ngữ liệu riêng phục vụ cho công việc giảng dạy. (Phạm Thị Thu Hiền, 2023). Chính vì vậy, để hỗ trợ tốt hoạt động ĐMR cũng như tạo nguồn tài liệu tham khảo cho HS trong các tiết học ĐMR, việc xây dựng một hệ thống ngữ liệu là rất cần thiết. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi nghiên cứu xây dựng ngữ liệu ĐMR cho các chủ điểm của SGK Tiếng Việt lớp 4 bộ Chân trời sáng tạo.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số cơ sở lý luận

#### 2.1.1. Ngữ liệu và vai trò của ngữ liệu

Theo Cope, B., & Kalantzis, M. (2000), ngữ liệu

là một hệ thống thống nhất về ngôn ngữ, hoàn chỉnh về nội dung, có chức năng định hướng, do con người tạo ra nhằm sử dụng cho một mục đích xác định. Theo Gopferich (2006), “Ngữ liệu là một hệ thống tổ chức thống nhất về ngôn ngữ, hoàn chỉnh về nội dung, có chức năng định hướng, do con người tạo ra nhằm sử dụng cho một mục đích xác định. Hay nói cách khác, ngữ liệu là một hình thức giao tiếp bằng lời, bằng văn bản, bằng hệ thống đồ họa để chuyển tải ý nghĩa đến người xem”.

Trong Từ điển Tiếng Việt, ngữ liệu là tư liệu ngôn ngữ dùng làm căn cứ để nghiên cứu ngôn ngữ (Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành (2005). Từ định nghĩa này, Lê Thị Ngọc Chi và Nguyễn Phước Bảo Khôi (2017) đưa ra cách hiểu về ngữ liệu là các tư liệu ngôn ngữ dùng để minh họa cho những kiến thức lí thuyết về ngôn ngữ hoặc dùng để nghiên cứu ngôn ngữ. Trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018, “ngữ liệu” được hiểu là: “âm, chữ cho đến văn bản hoặc trích đoạn văn bản thuộc các loại văn bản và thể loại thể hiện dưới các hình thức viết, nói hoặc đa phương thức, dùng làm chất liệu để dạy học.” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Ngữ liệu có vai trò đặc biệt quan trọng trong dạy học Ngữ văn nói chung, trong dạy học ĐMR nói riêng. “Trong môn Ngữ văn, ngữ liệu là một bộ phận cấu thành của nội dung giáo dục, góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển ở học sinh những yêu cầu cần đạt về năng lực được nêu trong chương trình”. (Bộ Giáo dục và đào tạo, 2018). Như vậy, ngữ liệu không chỉ là tư liệu nhằm phục vụ truyền tải nội dung kiến thức, rèn luyện kỹ năng mà còn có quan hệ mật thiết tới việc sử dụng phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức dạy học, có tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tình cảm của HS, đến hoạt động dạy học của GV. Trong dạy học ĐMR, ngữ liệu là yếu tố không thể

thiếu. Ngữ liệu chính là các văn bản được HS sử dụng, là công cụ giúp HS thực hành, mở rộng phạm vi đọc. Nó cũng chính là công cụ để GV kiểm tra được mức độ hoàn thành yêu cầu, nhiệm vụ của HS.

## **2.2. Xây dựng hệ thống ngữ liệu hỗ trợ hoạt động đọc mở rộng trong dạy học Tiếng Việt 4**

### **2.2.1. Căn cứ xây dựng ngữ liệu**

Để xây dựng ngữ liệu ĐMR cho HS lớp 4, chúng tôi dựa vào:

*Thứ nhất, yêu cầu cần đạt về ĐMR và ngữ liệu của chương trình Ngữ văn 2018*

CT Ngữ văn 2018 yêu cầu đối với ĐMR lớp 4 là:

- Trong 1 năm học, HS đọc tối thiểu 35 văn bản văn học và 18 văn bản thông tin có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

- HS cần học thuộc lòng ít nhất 10 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học, mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 80 chữ.

CT cũng quy định ngữ liệu dạy học được lựa chọn phải bảo đảm các tiêu chí:

- Phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất và năng lực theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của CT.

- Phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm - sinh lí của HS ở từng lớp học, cấp học. Từ ngữ dùng làm ngữ liệu dạy tiếng ở cấp tiểu học được chọn lọc trong phạm vi vốn từ văn hoá, có ý nghĩa tích cực, bảo đảm mục tiêu giáo dục phẩm chất, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục thẩm mỹ và phù hợp với tâm lí HS.

- Có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, tiêu biểu về kiểu văn bản và thể loại, chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ.

- Phản ánh được thành tựu về tư tưởng, văn học, văn hoá dân tộc; thể hiện tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc, ý thức về chủ quyền quốc gia; có tính nhân văn, giáo dục lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu chân thiện mỹ, tình yêu thiên nhiên, tinh thần hội nhập quốc tế, hướng đến những giá trị phổ quát của nhân loại.

*Thứ hai, thiết kế, cấu trúc của sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 4.*

SGK Tiếng Việt lớp 4 bộ Chân trời sáng tạo gồm 8 chủ điểm, bao gồm: *Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, Mảnh ghép yêu thương, Những người tài trí, Những ước mơ xanh; Cuộc sống mến yêu, Việt Nam quê hương em, Thế giới quanh ta, Vòng tay thân ái.* Đây là những chủ điểm gắn liền với cuộc sống của HS, nhằm khơi dậy cho các em niềm đam mê khám phá thế giới và tìm kiếm những ý tưởng mới, giúp phát huy những phẩm chất tốt đẹp, lòng nhân ái, sự chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; phát triển ngôn ngữ, khả năng đọc viết và các kỹ năng chung như tính độc lập và tự học, giao

tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Khi lựa chọn văn bản cho HS ĐMR, chúng tôi hướng đến những văn bản liên quan đến chủ điểm của SGK. Bởi việc đọc chỉ thực sự hiệu quả nếu nó được kết hợp với nội dung các chủ đề, chủ điểm mà SGK đã trình bày. Đồng thời, việc căn cứ vào cách tổ chức, xây dựng cấu trúc bài học theo chủ đề, mạch nội dung của SGK để xây dựng hệ thống ngữ liệu ĐMR sẽ giúp cho GV dễ dàng tiếp cận và giao nhiệm vụ học tập cho HS. GV cũng có thể tham khảo các ngữ liệu này phục vụ việc dạy học các bài học/chủ đề trên lớp trong trường hợp cần thay thế.

### **2.2.2. Nguyên tắc xây dựng ngữ liệu**

*Thứ nhất, đảm bảo tính thể loại, chủ đề và độ dài của ngữ liệu.* Thể loại văn bản là một yêu cầu có tính bắt buộc. Vì vậy, khi chọn ngữ liệu, chúng tôi bám sát vào các thể loại theo quy định để chọn văn bản. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng chú ý đến độ dài, số lượng chữ của văn bản. Số lượng chữ trong văn bản phải phù hợp với nhận thức và đặc điểm ngôn ngữ của HS lớp 4. Bởi lẽ, nếu lựa chọn các văn bản có độ dài quá nhiều sẽ khiến HS mất tập trung, mất kiên nhẫn theo dõi và tìm hiểu bài đọc. Trong quá trình xây dựng và tìm kiếm, đối với các văn bản dài hơn độ dài quy định, chúng tôi biên tập lại cho phù hợp, nhưng vẫn tuân thủ nguyên tắc bảo toàn nội dung và ý nghĩa mà tác giả gửi đến người đọc. Đối với các văn bản thông tin, có các thuật ngữ khó, chuyên ngành, mang tính chuyên môn, khoa học cao, đề tài sẽ thay đổi từ ngữ hoặc diễn đạt theo năng lực ngôn ngữ của HS lớp 4.

*Thứ hai, đảm bảo giá trị nội dung và nghệ thuật.* Một ngữ liệu ĐMR phải đảm bảo có giá trị về nội dung và nghệ thuật. Điều này đồng nghĩa với việc văn bản phải thỏa mãn cả tiêu chí về nội dung của một tác phẩm nghệ thuật cũng như đảm bảo yêu cầu về hình thức, nghệ thuật. Đây là một nội dung quan trọng trong việc xây dựng hệ thống ngữ liệu cho hoạt động ĐMR của chúng tôi. Trong trường hợp gặp khó khăn, chúng tôi sẽ tìm kiếm sự tư vấn từ các nhà nghiên cứu hoặc GV có kinh nghiệm để đảm bảo nguyên tắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản được lựa chọn.

*Thứ ba, đảm bảo nguồn và rõ ràng về thông tin tác giả.* Trong quá trình lựa chọn văn bản cho hệ thống ngữ liệu ĐMR, yếu tố về tác giả cũng được chúng tôi cân nhắc kỹ lưỡng. Uy tín của tác giả đóng vai trò quan trọng, đảm bảo tính “an toàn” không chỉ về chất lượng của văn bản mà còn về các yếu tố ngoài văn bản. Đồng thời, chúng tôi cũng lưu ý đến việc chú thích nguồn đề GV và HS có thể tra cứu thông tin khi cần.

### **2.2.3. Quy trình xây dựng ngữ liệu**

Bước 1: Chuẩn bị tác phẩm cần đọc theo chủ điểm  
Để xây dựng hệ thống ngữ liệu theo chủ điểm, đầu

tiên, tác giả nghiên cứu những yêu cầu về ngữ liệu ĐMR trong SGK. Sau đó, tác giả sẽ tìm những ngữ liệu có nội dung và thể loại theo đúng yêu cầu.

Tác giả tiến hành sưu tầm, sưu tập từ nhiều nguồn khác nhau: các bộ SGK, sách tham khảo, các bộ đề ôn tập, sách, truyện, báo, nguồn internet,... Chúng tôi ưu tiên tiếp cận những nguồn tài liệu được xuất bản bởi các nhà xuất bản uy tín. Chúng tôi tìm kiếm được nhiều văn bản có nội dung phù hợp với chủ đề, tuy nhiên, độ dài của văn bản không tương thích với yêu cầu. Đây cũng là một trong những khó khăn trong quá trình tìm kiếm và tổng hợp nguồn ngữ liệu phục vụ cho ĐMR.

Đối với văn bản thông tin, chúng tôi chọn những văn bản có trong sách, báo. Sau khi tìm kiếm trên các sách báo, chúng tôi chuyển sang tìm kiếm các ngữ liệu trên các website *thivien.net*, *truyendangian.com*,... Trong các trang website này, các tác phẩm được phân chia rõ ràng theo tác giả, thể loại nên dễ dàng sưu tầm và chọn lọc.

Bước 2: Tiến hành chọn lọc và biên tập lại các văn bản

Dựa trên kết quả tìm kiếm và tổng hợp trên, chúng tôi đã tiến hành chọn lọc, biên tập lại ngữ liệu sao cho phù hợp, đáp ứng các tiêu chí, yêu cầu của CT. Đối với những văn bản có dung lượng lớn hơn yêu cầu của CT, nhất là văn bản thông tin, chúng tôi sẽ tiến hành rút ngắn văn bản lại. Việc biên tập này, đề tài sử dụng phương pháp rút gọn và lược bỏ câu nhưng vẫn đảm bảo không ảnh hưởng đến nội dung, cấu trúc và ý nghĩa mà tác giả muốn gửi đến người đọc. Chẳng hạn, khi tìm ngữ liệu về bản tin một người yêu cuộc sống/ một người lạc quan, biết vượt lên hoàn cảnh ở tuần 20, chúng tôi tìm thấy bản tin sau: *Tinh thần lạc quan của cô gái bị dị ứng với ánh mặt trời* của Đào Hà trên Báo điện tử Tiền Phong ngày 14/12/2021 (Link truy cập: <https://svvn.tienphong.vn/tinh-than-lac-quan-cua-co-gai-bi-di-ung-voi-anh-mat-troi-post1401011.tpo>). Văn bản này có dung lượng khá dài: 354 chữ, và chứa có nhiều từ khoa học (*Xeroderma Pigmentosum*, *UV*), tên của người nước ngoài (*Andrea*), địa điểm (*California*),... không phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lý của HS Tiểu học, đặc biệt là HS lớp 4. Vì thế, khi biên tập lại các ngữ liệu, chúng tôi sẽ rút ngắn văn bản bằng cách nối câu, lược bỏ câu và Việt hoá các từ ngữ,... Từ đó, các em sẽ

hứng thú hơn với ngữ liệu, không còn “e dè” trước những thuật ngữ khó hiểu, khó đọc.

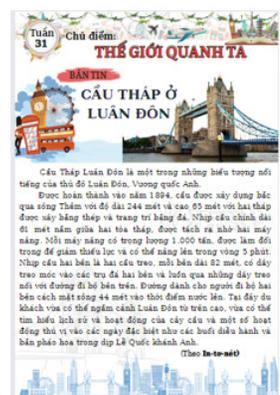
Đối với văn bản có nhiều từ khó, từ địa phương, chúng tôi sẽ thêm phần chú giải, giải thích nghĩa để HS dễ hiểu, dễ tiếp nhận nội dung văn bản. Chẳng hạn đối với bài thơ *Về thăm mẹ* của Đinh Nam Khương. Bài thơ là lời của người con thể hiện tình yêu thương dành cho mẹ trong một lần về thăm sau một thời gian dài xa quê. Mặc dù mẹ không ở nhà nhưng hình ảnh mẹ hiện hữu trong từng sự vật thân thuộc xung quanh. Mỗi cảnh, mỗi vật đều biểu hiện sự vất vả, sự tần tảo, hi sinh và đặc biệt là tình thương yêu của mẹ dành cho con. *Chum tương, nón mê, áo toì*,... là những đồ vật, hình ảnh rất quen thuộc đối với người nông dân nghèo ở làng quê tác giả. Tuy nhiên, nó có thể xa lạ đối với HS, nhất là HS tiểu học, đặc biệt là HS lớp 4. Vì vậy, ở cuối bài thơ, chúng tôi thêm phần chú giải, giải thích nghĩa của các từ này để HS dễ dàng cảm nhận được nội dung của bài thơ cũng như tình cảm của tác giả đối với mẹ của mình.

Bước 3: Thiết kế Phiếu ngữ liệu

Tinh thần mĩ trong giáo dục có tác động lớn đến hứng thú, và nhu cầu học tập của HS. Theo đặc điểm tâm, sinh lý của HS lớp 4, HS sẽ dành sự tập trung, chú ý vào những văn bản có hình ảnh và có bố cục đẹp mắt. Chính vì thế, chúng tôi tiến hành thiết kế các Phiếu ngữ liệu bằng phần mềm Canva để trình bày ngữ liệu một cách đẹp mắt, hấp dẫn người đọc.

Khi tiến hành thiết kế các phiếu ngữ liệu, chúng tôi đã nghiên cứu và tham khảo nhiều mẫu thiết kế từ SGK và các trang báo, bản tin. Các phiếu ngữ liệu được thiết kế đảm bảo các yêu cầu như: đầy dạng hình ảnh, hình ảnh hợp với chủ đề, nội dung ngữ liệu, hài hòa về màu sắc.

Sau đây là một số phiếu ngữ liệu mà chúng tôi đã thiết kế:



Nguồn: Tác giả

### 3. Kết luận

Ngữ liệu có vai trò quan trọng trong hoạt động ĐMR của HS, là những văn bản để HS đọc, khám phá, phát triển các kỹ năng, phẩm chất. Vì thế, chất lượng và sự phong phú, giàu có của ngữ liệu có ý nghĩa quan trọng trong tổ chức, hướng dẫn HS ĐMR. Nghiên cứu này đã đề xuất các căn cứ, nguyên tắc và quy trình cụ thể để xây dựng hệ thống ngữ liệu phục vụ hoạt động đọc mở rộng cho học sinh lớp 4 theo yêu cầu của CTGDPT 2018. Các nguyên tắc chủ yếu như đảm bảo tính phù hợp về thể loại, chủ đề, độ dài văn bản, đảm bảo giá trị nội dung, nghệ thuật và nguồn gốc tác giả rõ ràng sẽ giúp việc lựa chọn ngữ liệu trở nên hiệu quả hơn. Quy trình 3 bước bao gồm tìm kiếm tác phẩm, chọn lọc và biên tập, thiết kế phiếu ngữ liệu sẽ giúp ngữ liệu hấp dẫn, phù hợp với yêu cầu CT cũng như đặc điểm tâm sinh lý của HS. Kết quả nghiên cứu này có thể tạo tiền đề vững chắc để GV chủ động xây dựng hệ thống ngữ liệu riêng phục vụ việc dạy học ĐMR nói riêng, dạy học Ngữ văn nói chung. Đây cũng là nền tảng để tiếp tục nghiên cứu, xây dựng ngữ liệu cho các lớp học khác và

hoạt động dạy học khác thuộc môn Ngữ văn.

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TTBGDDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).

2. Cope, B., & Kalantzis, M. (2000). *Multiliteracies: Literacy learning and the design of social futures*. London: Routledge.

3. Göpferich, S. (2006). Text, Textsorte, Texttyp. In: Snell-Hornby, M. et al. *Handbuch Translation*. 2nd ed. Tübingen: Stauffenburg Verlag. 61-64.

4. Nguyễn Như Ý (chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành (2005). *Từ điển tiếng Việt thông dụng*. NXB Giáo dục.

5. Phạm Thị Thu Hiền (2023). Hướng dẫn giáo viên tự xây dựng hệ thống ngữ liệu để dạy học và kiểm tra đánh giá đọc hiểu văn bản trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, Tập 19, Số 02, Năm 2023, tr23-27.

## Chuyển đổi số tại Trường Đại học Đồng Tháp... (tiếp theo trang 129)

Đào tạo và phát triển chuyên môn: Cung cấp chương trình đào tạo và phát triển chuyên sâu cho GV và cán bộ quản lý về cách sử dụng công nghệ trong giảng dạy và quản lý GD. Đào tạo này không chỉ nên tập trung vào kỹ năng kỹ thuật mà còn vào cách tích hợp CN vào môi trường học tập.

Cải thiện cơ sở hạ tầng CN: Đảm bảo rằng tất cả cơ sở hạ tầng công nghệ đủ mạnh mẽ để hỗ trợ việc sử dụng CN trong giảng dạy và học tập. Điều này có thể bao gồm việc cải thiện kết nối internet, cung cấp máy tính và thiết bị điện tử cho SV và GV, và bảo trì các thiết bị đã có.

Phát triển nội dung số: Khuyến khích và hỗ trợ việc phát triển nội dung giáo dục số phong phú và phù hợp với chương trình học. Trường Đại học Đồng Tháp có thể hợp tác với nhà xuất bản, nhà phát triển phần mềm và GV để tạo ra tài liệu giáo trình số, ứng dụng học tập và nội dung GD trực tuyến.

Tạo điều kiện cho học tập kỹ thuật số: Khuyến khích và tạo điều kiện cho SV tham gia vào các hoạt động học tập kỹ thuật số như việc sử dụng phần mềm GD, thực hành kỹ năng lập trình, và tham gia vào các dự án dựa trên CN.

Đảm bảo tính bảo mật và quyền riêng tư: Phát triển và thực hiện các chính sách và quy định về bảo mật và quyền riêng tư dữ liệu để bảo vệ thông tin cá nhân của SV và GV khi sử dụng công nghệ số trong GD.

Liên kết với ngành công nghiệp và cộng đồng: Hợp

tác với các doanh nghiệp CN và cộng đồng địa phương để tạo ra cơ hội học tập và nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cho SV, đồng thời họ cũng có thể cung cấp tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án GD số.

#### 3. Kết luận

CDS trong GD mang lại nhiều lợi ích đối với việc cải thiện quá trình giảng dạy và học tập. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao nhất, cần có sự đầu tư đúng đắn vào đào tạo GV, cơ sở hạ tầng CN, phát triển nội dung số, khuyến khích học tập kỹ thuật số, đảm bảo tính bảo mật và quyền riêng tư, cũng như tạo liên kết với ngành CN và cộng đồng địa phương. Bằng cách thực hiện những giải pháp này, GD số tại Trường Đại học Đồng Tháp có thể trở thành một công cụ mạnh mẽ để nâng cao chất lượng GD và tạo ra cơ hội học tập bình đẳng cho tất cả SV.

#### Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Cúc (2017), "*Tác động của cuộc CMCN 4.0 đối với cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam và gợi ý chính sách cho Việt Nam*" - Học viện Chính trị khu vực I. Hà Nội

[2] Trịnh Thanh Hà (2019), "*Chuyển đổi số trong giáo dục: Thách thức và cơ hội*", Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam. Hà Nội

[3] Nguyễn Đắc Hưng (2017), "*Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và vấn đề đặt ra với giáo dục Việt Nam*", NXB Quân đội nhân dân. Hà Nội